

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học cho 82 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Kế toán	28
2	Ngôn ngữ Anh	53
3	Quản trị kinh doanh	01
Tổng cộng		82

Điều 2. Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.

HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số 1616/QĐ-ĐHNT ngày 25 tháng 12 năm 2020)

1) Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14DN1036	Trần Võ Anh	Thư 26/03/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN2
2	KT15DN0132	Nguyễn Ngọc	Trung 04/10/1989	Quảng Nam	Trung bình	KT15DNT
3	18DN0303	Phạm Quốc	Trung 08/05/1991	Cần Thơ	Khá	CT18TDN2
4	17DN0300	Nguyễn Thị Lan	Anh 16/07/1991	Kom Tum	Khá	KT17TDN
5	17DN0301	Nguyễn Thị Ngọc	Anh 11/01/1993	Kom Tum	Khá	KT17TDN
6	17DN0302	Phạm Văn	Anh 26/08/1986	Hà Tĩnh	Khá	KT17TDN
7	17DN0306	Nguyễn Thị Thu	Diệu 23/10/1986	Bình Định	Khá	KT17TDN
8	17DN0309	Mai Trường	Hận 07/12/1980	Bình Định	Khá	KT17TDN
9	17DN0311	Nguyễn Thị	Hoa 29/01/1992	Kom Tum	Khá	KT17TDN
10	17DN0331	Nguyễn Thị	Hoan 08/10/1985	Ninh Bình	Khá	KT17TDN
11	17DN0339	Võ Đại Vĩnh	Huy 22/07/1984	Gia Lai	Khá	KT17TDN
12	17DN0312	Lê Trần Thanh	Huyền 16/07/1992	Kom Tum	Khá	KT17TDN
13	17DN0334	Hoàng Thị	Lương 29/12/1983	Quảng Bình	Khá	KT17TDN
14	17DN0330	Nguyễn Văn	Nam 24/04/1985	Thanh Hóa	TB Khá	KT17TDN
15	17DN0316	Lê Thị Ngọc	Oanh 01/07/1988	Quảng Trị	Khá	KT17TDN
16	17DN0317	Trần Thị Kiều	Oanh 10/08/1993	Kom Tum	Khá	KT17TDN
17	17DN0318	Trần Thị	Phúc 07/08/1994	Quảng Trị	Khá	KT17TDN
18	17DN0319	Võ Diệp Hoài	Phương 21/08/1994	Kom Tum	TB Khá	KT17TDN
19	17DN0320	Nguyễn Thị	Phượng 09/10/1989	Lâm Đồng	Khá	KT17TDN
20	17DN0321	Bùi Thị Hạ	Quyên 01/03/1984	Kom Tum	Khá	KT17TDN
21	17DN0322	Doãn Văn	Quyết 24/12/1980	Hưng Yên	TB Khá	KT17TDN
22	17DN0324	Hoàng Thị Minh	Tâm 01/04/1991	Kom Tum	TB Khá	KT17TDN
23	17DN0336	Phan Thị Hồng	Thương 10/07/1988	Kom Tum	Khá	KT17TDN
24	17DN0333	Nguyễn Thị	Thủy 07/07/1991	Hà Tĩnh	Khá	KT17TDN
25	17DN0338	Nguyễn Thành	Trung 15/11/1984	Thanh Hóa	Khá	KT17TDN
26	17DN0328	Nguyễn Cảnh	Tùng 19/07/1983	Nghệ An	Khá	KT17TDN
27	17DN0329	Trần Quốc	Vũ 01/11/1980	Kom Tum	Khá	KT17TDN
28	14DN0422	Hồ Minh	Giang 02/08/1990	Tây Ninh	TB Khá	HU14TDN

Danh sách gồm 28 sinh viên.

2) Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	18TA2036	Hồ Thị Thu	Phương 26/10/1982	Thanh Hóa	Khá	NA18B2TA2
2	19TA2001	Võ Thế	Anh 28/04/1991	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
3	19TA2003	Nguyễn Ngọc	Bảo 22/01/1992	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
4	19TA2004	Trần Văn	Biên 30/06/1985	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
5	19TA2006	Thái Văn	Chương 04/05/1984	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
6	19TA2008	Nguyễn Trọng	Di 05/07/1987	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
7	19TA2009	Nguyễn Song	Duyệt 25/01/1985	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
8	19TA2010	Nguyễn Thúy	Dung 26/06/1982	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
9	19TA2011	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang 26/01/1997	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
10	19TA2013	Lê Ngọc	Hà 01/05/1981	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
11	19TA2059	Tăng Việt	Hà 19/05/1969	Sơn La	Khá	NA19B2TA2
12	19TA2014	Đặng Thanh	Hải 09/05/1975	Nghệ An	Giỏi	NA19B2TA2
13	19TA2015	Hồ Khắc	Hạnh 12/12/1977	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
14	19TA2016	Nguyễn Viết	Hùng 29/05/1972	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
15	19TA2018	Mai Thị	Huyền 23/12/1995	Nam Định	Khá	NA19B2TA2
16	19TA2061	Chu Thị Khánh	Huyền 08/11/1996	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
17	19TA2019	Phan Bá	Linh 19/01/1979	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
18	19TA2020	Trần Thị	Linh 01/10/1985	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
19	19TA2021	Bùi Thị Khánh	Linh 06/08/1990	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
20	19TA2022	Nguyễn Khánh	Linh 07/09/1996	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
21	19TA2023	Nguyễn Thăng	Long 30/04/1975	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2

qhl

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
22	19TA2024	Nguyễn Xuân	Mạnh	19/10/1994	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
23	19TA2025	Lê Thị	Minh	13/08/1988	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
24	19TA2026	Nguyễn Hoài	Nam	09/07/1967	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
25	19TA2027	Nguyễn Hoài	Nam	09/07/1991	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
26	19TA2058	Phan Thanh	Nam	11/06/1990	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
27	19TA2028	Trần Đình	Nghĩa	06/06/1992	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
28	19TA2029	Lê Nguyên	Nhật	12/02/1993	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
29	19TA2030	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	20/12/1988	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
30	19TA2031	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	09/09/1985	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
31	19TA2032	Nguyễn Văn	Phú	28/07/1989	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
32	19TA2034	Mai Đình	Quý	16/10/1994	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
33	19TA2035	Nguyễn Duy	Quyết	13/11/1985	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
34	19TA2036	Võ Thị Như	Quỳnh	02/09/1995	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
35	19TA2037	Trần Hoàng	Son	05/02/1995	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
36	19TA2039	Nguyễn Thị	Thắm	26/06/1985	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
37	19TA2040	Trần Thị	Thân	19/11/1989	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
38	19TA2041	Lê Thế	Thắng	20/02/1991	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
39	19TA2042	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	01/02/1980	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
40	19TA2043	Trần Thị	Thu	26/12/1987	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
41	19TA2044	Trần Hoài	Thương	20/08/1997	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
42	19TA2045	Lê Thị Quỳnh	Trang	06/07/1994	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
43	19TA2046	Bùi Thị Huyền	Trang	24/02/1994	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
44	19TA2047	Cao Thị Tân	Trang	21/11/1989	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
45	19TA2049	Nguyễn Lâm	Trung	22/07/1993	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
46	19TA2050	Phan Văn	Tuấn	14/07/1993	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
47	19TA2051	Trần Anh	Tuấn	20/08/1975	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
48	19TA2052	Nguyễn Đức	Tuấn	08/06/1979	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
49	19TA2053	Lê Anh	Tuấn	11/04/1981	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
50	19TA2055	Ngô Thị	Tuyết	01/10/1982	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
51	19TA2056	Phan Thị Thanh	Vân	19/11/1981	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2
52	19TA2057	Lê Xuân	Vượng	01/03/1991	Hà Tĩnh	Khá	NA19B2TA2
53	19TA2007	Nguyễn Huy	Đạt	20/05/1994	Nghệ An	Khá	NA19B2TA2

Danh sách gồm 53 sinh viên.

3) Ngôn ngữ Anh QTKD

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14KD0028	Nguyễn Hoàng	Vũ	18/08/1988	Ninh Thuận	TB Khá	NT14QTTC

Danh sách gồm 01 sinh viên.